

Chuyên đề 23

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

I. MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển nông nghiệp, dịch vụ ở nông thôn

Để nâng cao giá trị hàng hóa nông sản, đáp ứng nhu cầu của sản xuất, đời sống của nhân dân và phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ bản... trên địa bàn nông thôn nước ta cần phải đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và dịch vụ.

- Khai thác và huy động hết công suất của những cơ sở công nghiệp hiện có, xây dựng thêm các cơ sở sản xuất mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (công cụ sản xuất, phân bón, thuốc trừ sâu...), chế biến nông sản phục vụ đời sống và xuất khẩu, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng...

- Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, mở mang nghề mới, phục vụ cho sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở dịch vụ phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất ra sản phẩm thô sẽ ngày càng giảm. Cần phải đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ vừa phục vụ cho sản xuất, đời sống, vừa khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lao động xã hội ở nông thôn dư thừa, tăng giá trị của nông sản hàng hóa.

Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào kinh doanh nông nghiệp, nhất là đầu tư vào công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản và xây dựng cơ sở hạ tầng, tìm thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Với mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Tăng nhanh sản lượng và kim ngạch xuất khẩu nông sản, nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều

giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

- Quản lý chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn.

Kết cấu hạ tầng có vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân ở nông thôn, góp phần thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống và lao động giữa đô thị và nông thôn, tạo dựng bộ mặt nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Trước hết đẩy mạnh phát triển thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hệ thống tưới tiêu phải hoàn chỉnh, đồng bộ, đảm bảo chống úng, chống hạn, bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm do úng ngập gây ra, giữ gìn và phát triển môi trường sinh thái.

Có biện pháp hữu hiệu cải thiện môi trường sống ở các vùng ngập lụt thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng quỹ dự phòng chống lụt bão, thiên tai, từ Trung ương tới địa phương.

Ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật phục vụ cho sản xuất, nhưng không coi nhẹ kết cấu hạ tầng phục vụ cho đời sống của nhân dân như nhà trẻ, trường học, trạm y tế, các công trình văn hóa, thể thao, dịch vụ, chợ...

- Về giao thông nông thôn: bảo đảm liên hệ thuận lợi, nhất là các đường liên xã, liên thôn, cần phải được quy hoạch và xây dựng kiên cố hóa, đảm bảo đi lại vận chuyển hàng hóa thuận tiện.

- Về cấp điện: tiến tới 100% số xã được cấp điện phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Các xã đều có hệ thống thông tin liên lạc nối liền trong nước và ngoài nước.

- Về trường học: tiến tới đủ lớp học cho học sinh, xóa bỏ học ba ca. Các lớp, trường học cần xây dựng kiên cố nhiều tầng, bán kiên cố, có môi trường cảnh quan sạch đẹp và an toàn, vệ sinh, được trang bị thiết bị, đồ dùng giảng dạy và học tập phù hợp yêu cầu học tốt và dạy tốt.

- Về trạm xá, nhà hộ sinh: cần xây dựng khang trang, sạch sẽ, phục vụ khám, chữa bệnh ở cơ sở và thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

- Về cấp nước sạch, vệ sinh môi trường: tiến tới 100% dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh. Mỗi gia đình có các công trình hợp vệ sinh: giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh đúng quy cách.

- Các công trình dịch vụ khác như trạm truyền thanh, bưu điện, thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, thể thao, chợ và các công trình dịch vụ khác cần phải được quy hoạch, xây dựng tập trung trong các khu trung tâm xã, làng bản đáp ứng nhu cầu của cư dân nông thôn.

2. Quản lý chỉ đạo quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Việc quản lý chỉ đạo quy hoạch xây dựng nông thôn mới cần bám sát vào Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới - chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng với 11 nội dung sau:

(1) Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ;

Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

(2) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã. Đến 2015 có 35% số xã đạt chuẩn (các trục đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa) và đến 2020 có 70% số xã đạt chuẩn (các trục đường thôn, xóm cơ bản cứng hóa);

Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Đến 2015 có 85% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới và năm 2020 là 95% số xã đạt chuẩn;

Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã. Đến 2015 có 30% số xã có nhà văn hóa xã, thôn đạt chuẩn, đến 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã. Đến 2015 có 50% số xã đạt chuẩn và đến 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến 2015 có 45% số xã đạt tiêu chí và năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn;

Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ. Đến 2015 có 65% số xã đạt tiêu chí và năm 2020 có 85% số xã đạt chuẩn;

Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã. Đến 2015 có 45% số xã đạt chuẩn (có 50% kênh cấp 3 trở lên được kiên cố hóa). Đến 2020 có 77% số xã đạt chuẩn (cơ bản cứng hóa hệ thống kênh mương nội đồng theo quy hoạch).

(3) Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao;

Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp;

Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương;

Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

(4) Giảm nghèo và an sinh xã hội.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao (Nghị quyết 30^a của Chính phủ) theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo;

Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

(5) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã;

Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn;

Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn.

(6) Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

(7) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

(8) Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn.

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

(9) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng....

(10) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn.

Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới;

Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ ở các vùng này;

Bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

(11) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

Ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu;

Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lượng lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

3. Quản lý các vấn đề về xã hội, an ninh và trật tự ở nông thôn

Giải quyết những vấn đề chính sách xã hội, giữ gìn và duy trì an ninh, trật tự và xây dựng nếp sống mới cũng là một trong những nội dung quản lý nhà nước ở nông thôn. Trong nền kinh tế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, còn có những biểu hiện tiêu cực phát sinh mang tính xã hội như phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo, xu hướng gia tăng các tệ nạn xã hội, suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận dân cư, phức tạp hóa về an ninh trật tự, v.v... mà Nhà nước và chính quyền các cấp ở nông thôn cần phải có biện pháp để hạn chế.

Thất nghiệp và nghèo đói là gốc rễ phát sinh ra các tội phạm và tệ nạn xã hội, do đó cần phải tập trung giải quyết thất nghiệp, nghèo đói ở nông thôn thông qua việc thực hiện các chính sách xã hội của Nhà nước. Biện pháp quan trọng là đẩy mạnh phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, trợ giúp người nghèo dưới nhiều hình thức khác nhau để có thu nhập, ổn định đời sống và phát triển sản xuất.

Để xóa đói giảm nghèo, cần đẩy mạnh thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp, dịch vụ, thực hiện các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo để tạo việc làm và thu hút lao động.

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng nhân dân vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ, giúp đỡ giống, vốn, vật tư, thiết bị phát triển sản xuất, dịch vụ.

Thực hiện chính sách về phát triển giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao dân trí và trình độ khoa học kỹ thuật cho nông dân, giáo dục đạo đức, lối sống, tình đoàn kết tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Có các biện pháp hạn chế, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội, duy trì trật tự an ninh, an toàn làng, xã, xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hóa mới ở nông thôn.

Thực hiện quy chế dân chủ ở nông thôn. Người nông dân làm chủ ruộng đồng, làm chủ quê hương, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, làm làm, dân kiểm tra”.

Xây dựng các phong trào quần chúng rộng rãi, cùng chính quyền và các cơ quan chức năng địa phương tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, an ninh trật tự, xây dựng nếp sống mới ở nông thôn thông qua các hương ước, quy ước cộng đồng, cam kết trách nhiệm xã hội của mỗi gia đình, mỗi thành viên.

II. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn thể hiện ở những mặt sau:

- Nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; an ninh lương thực quốc gia được đảm bảo vững chắc; một số mặt hàng nông sản xuất khẩu đã chiếm được vị thế cao trên thị trường thế giới.

- Kinh tế nông thôn chuyển dịch dần theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi rõ rệt.

- Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, nông thôn Việt Nam vẫn còn những yếu kém cho thấy những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Đó là:

- Nông nghiệp phát triển còn chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất; nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất trong nông nghiệp còn diễn ra chậm chạp, mô hình sản xuất phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của nhiều mặt hàng rất thấp.

- Công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề phát triển chậm nên chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh của nền sản xuất hàng hóa.

- Nông nghiệp và nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường ngày càng ô nhiễm; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế.

- Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn còn thấp, tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; chênh lệch giàu, nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng còn lớn, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

- Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước là đại diện chủ sở hữu. Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

- Nhà nước quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc tích tụ, tập trung ruộng đất phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự phát triển của công nghiệp dịch vụ..., không để việc này diễn ra tự phát làm cho người nông dân mất ruộng mà không có việc làm, trở thành bần cùng hóa. Có biện pháp giúp đỡ những người không có đất để sản xuất để thực hiện xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ những người có đất bị thu hồi để ổn định đời sống.

- Đẩy mạnh việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài, ổn định cho nông dân, giải quyết những tranh chấp và khiếu kiện về đất đai. Ngoài đất trong hạn điền, nhà nước cho thuê phần đất ngoài hạn điền ở những vùng có điều kiện, kể cả những người không là nông dân được thuê quyền sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, đất bồi ven biển, đất hoang hóa để phát triển sản xuất.

- Bảo vệ diện tích đất canh tác lúa nước. Việc trồng cây lâu năm trên đất trồng lúa hoặc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải theo quy định của pháp luật và phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Sớm hoàn thành quy hoạch sử dụng đất lúa để có cơ chế, chính sách bảo vệ, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài.

- rà soát, bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 theo nguyên tắc tận dụng tối đa đất đai không có khả năng làm nông nghiệp để phát triển công nghiệp và dịch vụ.

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân năm 2008 đã đề ra mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đến năm 2020 với các mục tiêu sau:

- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 3,5% - 4%/năm; duy trì diện tích đất trồng lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay.

- Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%, số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo; tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Chính sách đất đai

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI cũng đề ra nhiều chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có các chính sách sau:

- Quy hoạch sử dụng đất

Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất có rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch sử dụng đất.

Có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội để khai thác tiềm năng đất đai tại các vùng trung du, miền núi, ven biển, hạn chế tối đa việc sử dụng đất chuyên trồng lúa.

- Giao đất, cho thuê đất

Tiếp tục giao đất, cho thuê đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng có thời hạn theo hướng kéo dài hơn quy định hiện hành để khuyến khích nông dân gắn bó hơn với đất và yên tâm đầu tư sản xuất. Đồng thời, mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, từng giai đoạn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, từng bước hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Sớm có giải pháp đáp ứng nhu cầu đất sản xuất và việc làm cho bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số đang không có đất sản xuất.

- Chính sách tài chính về đất đai

Nhà nước chủ động điều tiết thị trường bất động sản thông qua việc đổi mới chính sách tài chính về đất đai, nhất là chính sách thuế.

Rà soát các chính sách ưu đãi về thuế, bảo đảm công bằng, thống nhất, đơn giản, thuận tiện, chống thất thu thuế. Có chính sách, mức thu hợp lý để nuôi dưỡng nguồn thu, khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Cải cách hành chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước về đất đai, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả và không chồng chéo.

Kiểm soát chặt chẽ việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp. Điều chỉnh thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện cho phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính.

Tăng cường giám sát đội ngũ cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ trong quản lý đất đai; xử lý nghiêm các trường hợp nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

2. Chính sách về các thành phần kinh tế

- Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu toàn dân mà Nhà nước là đại diện đối với đất đai, tài nguyên, vốn và các tài sản công để các nguồn lực này được quản lý, sử dụng có hiệu quả.

- Phát triển mạnh các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã. Khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tư nhân, loại hình doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

- Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

a) Chính sách đối với kinh tế hộ gia đình

- Khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình bằng các biện pháp: sớm hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mở rộng cho nông dân vay vốn bằng nhiều hình thức phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ đúng lúc, đúng đối tượng có nhu cầu và khả năng sử dụng hiệu quả vốn vay, tiêu thụ hàng hóa nông sản, v.v...

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với công nghiệp, dịch vụ, phát triển mô hình sản xuất trang trại gia đình.

- Khuyến khích sự liên kết giữa các hộ nông dân, các trang trại gia đình với các thành phần kinh tế khác để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình).

b) Chính sách đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã

Khuyến khích các hình thức kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển, tập trung chỉ đạo thực hiện việc chuyển đổi các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã, cụ thể:

- Rà soát lại hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, đối với các hợp tác xã khá và trung bình thì tiếp tục hỗ trợ giải quyết các vướng mắc về tài sản, vốn quỹ, cho vay vốn, đào tạo cán bộ chuyên môn, quản lý, v.v... để chuyển đổi thành hợp tác xã mới. Đối với các hợp tác xã yếu kém đã có nhiều biện pháp hỗ trợ vẫn không khắc phục được, xã viên có nguyện vọng thì xem xét tùy từng trường hợp có thể giải thể, hướng dẫn và giúp đỡ nông dân hình thành tổ chức kinh tế hợp tác phù hợp.

- Khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, phát triển thành các hợp tác xã sản xuất - kinh doanh - dịch vụ tổng hợp.

- Ở những nơi chưa có hợp tác xã nông nghiệp thì hỗ trợ, khuyến khích hình thành các loại hợp tác xã hướng vào dịch vụ sản xuất và đời sống theo nhu cầu của nhân dân.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Ban hành cơ chế tổ chức, bầu chọn cán bộ quản lý hợp tác xã (Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về kinh tế hợp tác và hợp tác xã).

c) Chính sách đối với kinh tế nhà nước

- Hướng hoạt động của kinh tế nhà nước trong nông nghiệp vào làm dịch vụ đầu vào, đầu ra, đầu tư vào các lĩnh vực, các địa bàn mà các thành phần kinh tế khác không đủ sức hoặc không muốn đầu tư, hoặc để hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường và xí nghiệp quốc doanh đánh cá, tăng tiềm lực cho các doanh nghiệp quốc doanh có

vị trí quan trọng, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, sắp xếp lại những doanh nghiệp nhà nước yếu kém, tổ chức doanh nghiệp mới để đảm bảo vai trò chủ đạo về cung cấp giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Đổi mới cơ chế quản lý đất đai và lao động của các nông, lâm trường theo hướng giao khoán đất, vườn cây lâu dài, ổn định cho các hộ nông, lâm trường viên và hộ nông dân địa phương gắn với sản phẩm cuối cùng, hoặc có thể giao một phần đất cho hộ nông, lâm trường viên làm kinh tế gia đình.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị kinh tế Nhà nước, các đơn vị quân đội làm kinh tế, các tổ chức thương nghiệp Nhà nước.

d) Chính sách đối với các thành phần kinh tế khác

- Khuyến khích mọi người có vốn, có kinh nghiệm quản lý, kinh doanh tự đầu tư hoặc liên kết, liên doanh phát triển ngành nghề, dịch vụ công nghiệp, phát triển kinh tế trang trại, v.v...

- Khuyến khích phát triển lâu dài kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước theo định hướng XHCN, khuyến khích đầu tư của người nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp và kinh tế ở nông thôn.

- Khuyến khích liên doanh giữa Nhà nước với tư bản tư nhân trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng các cơ sở chế biến và tìm thị trường tiêu thụ hàng nông sản.

3. Chính sách khuyến nông

Qua hơn 15 năm đổi mới, nông nghiệp và nông thôn ở nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng tăng cường công nghiệp, dịch vụ, nhưng nhìn chung còn chậm. Năng suất trong nông nghiệp còn thấp, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn ngày càng chênh lệch so với thành thị. Ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao, việc chuyển sang sản xuất ngư nghiệp chậm, trồng trọt vẫn chiếm ưu thế hơn nhiều so với chăn nuôi và ngay trong ngành trồng trọt diện tích cây lương thực vẫn chiếm hơn 60%.

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và nông thôn, ngày 08/01/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2010/NĐ-CP về khuyến nông.

*** Mục tiêu của chính sách khuyến nông**

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người sản xuất để tăng thu nhập, thoát đói nghèo, làm giàu thông qua các hoạt động đào tạo nông dân về

kiến thức, kỹ năng và các hoạt động cung ứng dịch vụ để hỗ trợ nông dân sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thích ứng các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia khuyến nông.

* Nội dung hoạt động của chính sách khuyến nông bao gồm:

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả, phổ biến điển hình tiên tiến trong sản xuất, quản lý, kinh doanh, phát triển nông nghiệp bền vững.

- Xuất bản và hướng dẫn thông tin đến người sản xuất bằng các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm...

- Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho nông dân để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế nông thôn.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người hoạt động khuyến nông, khuyến ngư.

- Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập trong và ngoài nước.

- Xây dựng các mô hình công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; trình diễn các mô hình về tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với từng địa phương và nhu cầu của người nông dân. Chuyển giao kết quả khoa học công nghệ từ các mô hình trình diễn ra diện rộng.

- Tư vấn, hỗ trợ chính sách, pháp luật về đất đai, thị trường, khoa học, công nghệ, áp dụng kinh nghiệm tiên tiến trong quản lý, sản xuất, khởi sự doanh nghiệp, lập dự án đầu tư, tuyển dụng, đào tạo, huy động vốn...

- Tư vấn, hỗ trợ ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến nông lâm, thủy sản, sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Dịch vụ trong các lĩnh vực: pháp luật, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, đầu tư, tín dụng.

- Trao đổi kinh nghiệm khuyến nông với các tổ chức, cá nhân nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

4. Chính sách về giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

Trong những năm tới, chính sách về giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ của Nhà nước trong nông nghiệp cần ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực sau đây:

- Đào tạo nghề cho nông dân để người nông dân có kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản, nâng cao năng xuất lao động, phát triển kinh tế hàng hóa, bảo vệ môi trường sống.

- Phát triển thủy lợi, đầu tư nâng cấp và tăng cường công tác quản lý để khai thác có hiệu quả các công trình đã có, tập trung vốn hoàn thành các công trình còn dở dang, đầu tư mới cho những công trình thật sự cấp bách và có hiệu quả cao. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình thủy lợi nhỏ gắn với thủy điện ở miền núi, củng cố hệ thống đê sông, đê biển và các công trình phòng chống lụt bão, khuyến khích nhân dân tham gia đầu tư phát triển sản xuất.

- Phát triển khoa học công nghệ như công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, nghiên cứu sản xuất các loại máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản.

Chấn chỉnh tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các viện nghiên cứu, các trung tâm, tổ chức, sự nghiệp khoa học trong nông, lâm, ngư nghiệp (Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân).

5. Các chính sách đầu tư, tín dụng và thị trường

Từng bước tăng đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, tập trung trước hết cho xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, trường học, trạm xá), khuyến khích nhân dân và các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực trực tiếp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Để lại tỷ lệ thỏa đáng các nguồn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp cho ngân sách huyện và nhất là ngân sách xã để đầu tư lại cho nông nghiệp, nông thôn, thực hiện chính sách huy động hợp lý sự đóng góp của nhân dân vào xây dựng nông thôn, xóa bỏ các loại phí, các loại đóng góp tùy tiện, trái pháp luật quy định.

Mở rộng thị trường tín dụng, tăng vốn vay trung và dài hạn cho nông dân, thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất cho các chương trình, dự án ưu tiên phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trong nước để tăng thu nhập cho nông dân, thực hiện cơ chế lưu thông hàng hóa thông thoáng, mở rộng thị trường xuất khẩu, có chính sách khuyến khích và tạo thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.

Ngày 04/6/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định 61/2010/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chính phủ đã có các chính sách ưu đãi về đất đai và hỗ trợ đầu tư của các dự án nông nghiệp, trong đó có các nội dung:

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các dự án nông nghiệp theo các mức độ cụ thể.

- Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước theo quy định đối với các loại dự án thuê đất của Nhà nước.

- Hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân

Khuyến khích doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư tích tụ đất hình thành vùng nguyên liệu thông qua hình thức hộ gia đình, cá nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với các dự án không thu hồi đất.

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp; phát triển thị trường của các doanh nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; dịch vụ tư vấn; áp dụng khoa học công nghệ cho các dự án; cước phí vận tải liên quan đến các dự án.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh/Chị hãy trình bày một số nội dung quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn ở nước ta? Trong các nội dung đó, theo anh/chị nội dung nào là nội dung quan trọng nhất? Xây dựng nông thôn mới hiện nay đang gặp phải những khó khăn, trở ngại gì?

2. Anh/Chị hãy trình bày các chính sách đất đai? chính sách về các thành phần kinh tế? chính sách về giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ? chính sách đầu tư, tín dụng và thị trường để phát triển nông nghiệp, nông thôn? Người nông dân đang trông chờ vào những chính sách nào nhất từ Nhà nước?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2001, 2007, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết TW 6 khóa XI về kinh tế hợp tác và hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình.

3. Luật Đất đai năm 2009, sửa đổi bổ sung năm 2010.

4. Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông

5. Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

6. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

7. Quyết định số 491/QĐ-TTg của Thủ Tướng chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia Nông thôn mới.

8. Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới.